

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Gạch men Thanh Thanh - Đơn vị thành viên Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo Quyết định số 1706/QĐ-BXD ngày 22/12/2003 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Cổ phần số 3600665643 ngày 02/01/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 29/12/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài: THANH THANH JOINT-STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: TTC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 29/12/2020 là 59.923.480.000 VND (Bằng chữ: Năm mươi chín tỷ, chín trăm hai mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HNX với mã TTC.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Cao Trường Thọ

Ông Ngô Xuân Chính

Bà Võ Thị Thu Thủy

Ông Trần Hưng Lương

Ông Phạm Việt Thắng

Chủ tịch HĐQT

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Đào Quang Sơn

Ông Lê Nguyễn Quốc Trung

Ông Nguyễn Thừa Vũ

Trưởng ban

Thành viên

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Hưng Lương

Ông Lê Xuân Thái

Tổng Giám đốc

Phó Tổng giám đốc

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện nêu tại thuyết minh số 7.1 bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Trần Hưng Lương
Trần Hưng Lương
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 24 tháng 9 năm 2021

Số: 143/2021/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh, được lập ngày 24/9/2021 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vũ Ngọc Ân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		153.336.634.212	169.533.960.558
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	15.891.446.417	12.881.287.932
1. Tiền	111		15.891.446.417	2.881.287.932
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	11.427.575.701	9.174.643.386
1. Chứng khoán kinh doanh	121		11.427.575.701	11.427.575.701
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(2.252.932.315)
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.408.266.895	56.058.447.361
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	23.891.216.341	55.833.878.021
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.652.016.634	199.498.587
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	125.438.160	250.708.995
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(260.404.240)	(225.638.242)
IV- Hàng tồn kho	140	5.7	100.016.388.406	91.402.961.879
1. Hàng tồn kho	141		117.397.853.041	107.854.453.492
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(17.381.464.635)	(16.451.491.613)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		592.956.793	16.620.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	589.862.929	16.620.000
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	3.093.864	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+250)	200		28.525.731.963	30.455.405.760
I Các khoản phải thu dài hạn	210	5.5	85.700.000	85.700.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		85.700.000	85.700.000
II Tài sản cố định	220		24.862.830.806	27.763.744.222
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	24.862.830.806	27.763.744.222
- Nguyên giá	222		245.222.174.471	245.222.174.477
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(220.359.343.665)	(217.458.430.255)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	-
- Nguyên giá	228		100.896.000	100.896.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(100.896.000)	(100.896.000)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	3.577.201.157	2.605.961.538
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.920.000.000	1.920.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.030.000.000	3.030.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.372.798.843)	(2.344.038.462)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		181.862.366.175	199.989.366.318

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

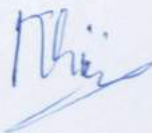
NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		62.561.060.873	78.033.736.720
I- Nợ ngắn hạn	310		60.366.060.873	75.838.736.720
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	19.935.363.643	18.137.383.585
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	386.696.881	1.844.975.312
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	3.627.015.747	1.519.941.452
4. Phải trả người lao động	314		8.702.930.605	9.946.247.285
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	11.899.195.409	34.215.790.498
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.16	3.000.000.000	-
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		12.814.858.588	10.174.398.588
II- Nợ dài hạn	330	5.15	2.195.000.000	2.195.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		2.195.000.000	2.195.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		119.301.305.302	121.955.629.598
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	119.301.305.302	121.955.629.598
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		59.923.480.000	59.923.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		59.923.480.000	59.923.480.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		313.744.700	313.744.700
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		14.054.939.829	14.054.939.829
4. Cổ phiếu quỹ	415		(652.100.000)	(652.100.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.305.178.956	15.048.183.555
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.356.061.817	33.267.381.514
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		18.220.745.506	18.220.745.506
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.135.316.311	15.046.636.008
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		181.862.366.175	199.989.366.318

Đồng Nai, ngày 24 tháng 9 năm 2021

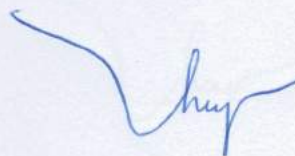
Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Khiêm



Võ Thị Thu Thủy



Trần Hưng Lương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

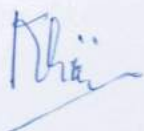
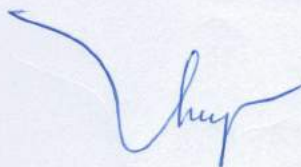
CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6	Cho kỳ kế toán 6
			tháng kết thúc	tháng kết thúc
			ngày 30/6/2021	ngày 30/6/2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	136.928.560.621	153.418.896.746
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	1.276.421.213	820.203.041
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		135.652.139.408	152.598.693.705
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	114.088.910.713	129.877.934.495
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		21.563.228.695	22.720.759.210
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	251.237.728	234.773.931
7. Chi phí tài chính	22	6.5	(3.091.677.851)	871.922.385
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		38.506.824	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	5.421.461.109	4.245.115.013
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	6.838.654.305	6.982.394.664
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		12.646.028.860	10.856.101.079
11. Thu nhập khác	31	6.8	-	719.181.818
12. Chi phí khác	32	6.8	120.657	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.8	(120.657)	719.181.818
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		12.645.908.203	11.575.282.897
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	2.510.591.892	2.305.603.587
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		10.135.316.311	9.269.679.310
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	1.706	1.234

Đồng Nai, ngày 24 tháng 9 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Xuân Khiêm

Võ Thị Thu Thủy

Trần Hưng Lương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

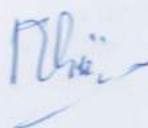
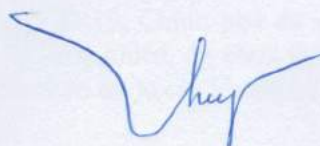
CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6	Cho kỳ kế toán 6
			tháng kết thúc ngày 30/6/2021	tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.645.908.203	11.575.282.897
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		2.900.913.416	3.040.625.056
- Các khoản dự phòng	03		740.567.086	3.330.787.584
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		9.581.156	*(21.901.812)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(183.377.676)	(930.130.376)
- Chi phí lãi vay	06		38.506.824	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		16.152.099.009	16.994.663.349
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		30.612.320.604	(2.981.145.532)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.543.399.549)	(6.443.074.517)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(25.460.893.987)	(7.666.211.847)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(573.242.929)	(535.591.033)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(38.506.824)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(786.322.904)	(546.859.458)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(359.540.000)	(315.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.002.513.420	(1.493.719.038)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
2. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	719.181.818
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		183.377.676	210.948.558
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền thu từ đi vay	33		5.374.363.601	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.374.363.601)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.166.082.015)	(8.910.792.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.166.082.015)	(8.910.792.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		3.019.809.081	(9.474.380.662)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	12.881.287.932	19.158.188.617
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(9.650.596)	7.830.749
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	15.891.446.417	9.691.638.704

Đồng Nai, ngày 24 tháng 9 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Xuân Khiêm

Võ Thị Thu Thủy

Trần Hưng Lương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Gạch men Thanh Thanh - Đơn vị thành viên Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo Quyết định số 1706/QĐ-BXD ngày 22/12/2003 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Cổ phần số 3600665643 ngày 02/01/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 29/12/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài: THANH THANH JOINT-STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: TTC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 29/12/2020 là 59.923.480.000 VND. (Bằng chữ: Năm mươi chín tỷ, chín trăm hai mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HNX với mã TTC.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2021 là 321 người (tại ngày 31/12/2020 là 335 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lĩnh vực hoạt động gồm:

- Sản xuất các loại vật liệu xây dựng;
- Xây lắp công nghiệp;
- Bán buôn vật liệu xây dựng các loại, bán buôn vật tư và xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng;
- Đầu tư và kinh doanh địa ốc, cơ sở hạ tầng;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch;

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là sản xuất gạch.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Từ đầu năm 2021, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. So với cùng kỳ năm trước thì doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/6/2021 của Công ty giảm. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, do chưa thuộc đối tượng được hỗ trợ theo chính sách của Chính phủ nên Công ty chưa nhận được các khoản hỗ trợ liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**1.5 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/6/2021, Công ty có công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Bao bì và khoáng sản số 1	Thửa đất số 200, tờ bản đồ số DC 8 - 3, Đường N1, khu SXTT Bình chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất bao bì	24%	24%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư khác

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 30
Máy móc và thiết bị	10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí bảo trì

Chi phí bảo trì phần mềm phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

Chi phí thuê đất và phí sử dụng hạ tầng

Tiền thuê đất và phí sử dụng hạ tầng thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê hằng năm (12 tháng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả (Tiếp theo)

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là khoản dự phòng chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác là khoản Công ty chuyển từ quỹ đầu tư phát triển sang để dùng mua sắm tài sản cố định.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm gạch men.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và khoản lỗ tỷ giá hối đoái.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gạch men và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	1.003.889.923	946.633.187
Tiền gửi ngân hàng	14.887.556.494	1.934.654.745
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
Tổng	15.891.446.417	12.881.287.932

5.2 Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty CP Gạch Vitaly	11.427.575.701	11.427.575.701	-	11.427.575.701	9.174.643.386	(2.252.932.315)
Tổng	11.427.575.701	11.427.575.701	-	11.427.575.701	9.174.643.386	(2.252.932.315)

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vitaly đang giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là VTA trên sàn UPCoM. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo giá đóng cửa của ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm ngày 30/6/2021 do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Sản Phẩm FICO	-	12.759.670.530
Tổng Công ty Vật Liệu Xây Dựng Số 1- CTCP	16.079.482.257	37.240.683.055
Phải thu các đối tượng khác	7.811.734.084	5.833.524.436
Tổng	23.891.216.341	55.833.878.021

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên liên quan	16.079.482.257	50.000.353.585
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)		

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH TM Trọng Tâm	789.206.880	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Đắk Lắk	264.712.800	-
INTER SER S.p.A. Internazionale Servizi	188.762.616	-
Các đối tượng khác	409.334.338	199.498.587
Tổng	1.652.016.634	199.498.587

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.5 Các khoản phải thu khác

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	125.438.160	-	250.708.995	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	18.082.192	-
Thuế thu nhập cá nhân phải thu	56.243.754	-	125.432.397	-
Tạm ứng	58.000.000	-	96.000.000	-
Phải thu khác	11.194.406	-	11.194.406	-
Dài hạn	85.700.000	-	85.700.000	-
Ký cược, ký quỹ	85.700.000	-	85.700.000	-
Tổng	211.138.160	-	336.408.995	-

5.6 Nợ xấu

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	260.404.240	-	260.404.240	34.765.998
Công ty TNHH PT Ngọc Linh	80.000.000	-	80.000.000	-
Các đối tượng khác	180.404.240	-	180.404.240	34.765.998
<i>Trong đó:</i>				Quá hạn trên 3 năm
+ Công ty TNHH PT Ngọc Linh				80.000.000
+ Các đối tượng khác				180.404.240

5.7 Hàng tồn kho

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	24.526.055.032	(1.618.103.217)	21.066.810.378	(1.731.684.689)
Công cụ, dụng cụ	1.353.464.868	(1.047.247.610)	1.463.710.427	(1.120.759.924)
Thành phẩm	91.518.333.141	(14.716.113.808)	85.323.932.687	(13.599.047.000)
Tổng	117.397.853.041	(17.381.464.635)	107.854.453.492	(16.451.491.613)

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí bảo trì phần mềm	5.540.000	16.620.000
Chi phí thuê đất và phí sử dụng hạ tầng (i)	584.322.929	-
Tổng	589.862.929	16.620.000

(i) Thuê đất trả tiền hằng năm của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Khu Công nghiệp theo Hợp đồng số 03/HĐTD/BH1 ngày 05/3/2003 và phụ lục hợp đồng thuê đất tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, diện tích thuê 63,871 m², thời gian thuê là 20 năm bắt đầu từ năm 2003.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.9 Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
					Tổng	
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2021	25.328.736.587	208.126.188.641	11.660.993.049	106.256.200	245.222.174.477	
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	
Giảm trong kỳ	-	6	-	-	6	
Giảm khác	-	6	-	-	6	
Số dư tại ngày 30/6/2021	25.328.736.587	208.126.188.635	11.660.993.049	106.256.200	245.222.174.471	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2021	23.279.604.250	186.287.314.415	7.785.255.390	106.256.200	217.458.430.255	
Tăng trong kỳ	78.812.778	2.424.713.834	397.386.804	-	2.900.913.416	
Khấu hao trong kỳ	78.812.778	2.424.713.834	397.386.804	-	2.900.913.416	
Giảm trong kỳ	-	6	-	-	6	
Giảm khác	-	6	-	-	6	
Số dư tại ngày 30/6/2021	23.358.417.028	188.712.028.243	8.182.642.194	106.256.200	220.359.343.665	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày ngày 01/01/2021	2.049.132.337	21.838.874.226	3.875.737.659	-	27.763.744.222	
Tại ngày ngày 30/6/2021	1.970.319.559	19.414.160.392	3.478.350.855	-	24.862.830.806	

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2021 là 187.387.883.329 VND (tại ngày 01/01/2021 là 187.147.883.330 VND).

5.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính có nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 30/6/2021 lần lượt là 100.896.000 VND và 100.896.000 VND. Tài sản này đã khấu hao hết giá trị từ năm 2018.



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THẠNH

Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn

Đối tượng đầu tư	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Số lượng cổ phần	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
				Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết				1.920.000.000	-	1.920.000.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì và khoáng sản số 1	24%	24%	205.440	1.920.000.000	-	1.920.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác				3.030.000.000	(1.372.798.843)	3.030.000.000	(2.344.038.462)
Công ty Cổ phần Gạch men Cosevco	4,62%	4,62%	300.000	3.030.000.000	(1.372.798.843)	3.030.000.000	(2.344.038.462)
Tổng				4.950.000.000	(1.372.798.843)	4.950.000.000	(2.344.038.462)

(i) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết và khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty tại ngày 30/6/2021 như sau:

Đối tượng đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
Đầu tư vào công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Bao bì và khoáng sản số 1	Thửa đất số 200, tờ bản đồ số DC 8 - 3, Đường N1, khu SXTT Bình chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất bao bì
Đầu tư vào đơn vị khác		
Công ty Cổ phần Gạch men Cosevco	Đường số 9, KCN Hòa Khánh, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANHĐường số 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Vật liệu và Năng lượng FINE ENERGY	5.338.747.612	5.338.747.612	-	-
Công ty TNHH Hải Tùng	2.729.919.610	2.729.919.610	1.366.184.820	1.366.184.820
Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Sản Phẩm FICO	8.161.035.819	8.161.035.819	-	-
Các đối tượng khác	3.705.660.602	3.705.660.602	16.771.198.765	16.771.198.765
Tổng	19.935.363.643	19.935.363.643	18.137.383.585	18.137.383.585

Trong đó:

Phải trả người bán là các bên liên quan	2.188.313.306	2.188.313.306	10.082.253.975	10.082.253.975
---	---------------	---------------	----------------	----------------

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Vũ Xuân Thao	127.999.920	127.999.920	-	-
Công ty Cổ Phần Quốc Dũng	95.350.160	95.350.160	-	-
Mohamed Abdullah Al-Hubaishi Trading Corp.	57.143.850	57.143.850	1.342.395.901	1.342.395.901
Các đối tượng khác	106.202.951	106.202.951	502.579.411	502.579.411
Tổng	386.696.881	386.696.881	1.844.975.312	1.844.975.312

5.14 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số phải nộp		Số đã nộp	
	01/01/2021	trong kỳ	trong kỳ	30/6/2021
Phải nộp	1.519.941.452	6.174.580.314	4.067.506.019	3.627.015.747
Thuế GTGT	536.292.872	3.434.237.890	2.980.597.651	989.933.111
Thuế thu nhập doanh nghiệp	786.322.904	2.510.591.892	786.322.904	2.510.591.892
Thuế thu nhập cá nhân	141.577.247	226.629.875	297.464.807	70.742.315
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế khác	55.748.429	120.657	120.657	55.748.429
Phải thu	-	120.294.360	123.388.224	3.093.864
Thuế xuất, nhập khẩu	-	120.294.360	123.388.224	3.093.864
nộp thừa	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANHĐường số 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.15 Phải trả khác

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	11.899.195.409	34.215.790.498
Kinh phí công đoàn	204.807.719	103.481.400
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.753.447.420	8.737.435
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.940.940.270	34.103.571.663
<i>Khoản nhận đặt cọc về sản xuất độc quyền sản phẩm cho các khách hàng</i>	8.450.000.000	33.270.000.000
<i>Thù lao, tiền thưởng HĐQT</i>	1.422.526.532	765.157.925
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	68.413.738	68.413.738
b) Dài hạn	2.195.000.000	2.195.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	2.195.000.000	2.195.000.000
Tổng	14.094.195.409	36.410.790.498
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả khác là các bên liên quan	-	25.520.000.000
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)		

5.16 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Dự phòng chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	3.000.000.000	
Tổng	3.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	<i>Đơn vị tính: VND</i>						
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2020	59.923.480.000	313.744.700	14.054.939.829	(652.100.000)	12.787.943.833	32.938.589.998	119.366.598.360
Tăng trong năm	-	-	-	-	2.260.239.722	15.046.636.008	17.306.875.730
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	15.046.636.008	15.046.636.008
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	2.260.239.722	-	2.260.239.722
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	14.717.844.492	14.717.844.492
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	2.260.239.722	2.260.239.722
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Thường HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	546.812.770	546.812.770
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	8.910.792.000	8.910.792.000
Số dư tại ngày 31/12/2020	59.923.480.000	313.744.700	14.054.939.829	(652.100.000)	15.048.183.555	33.267.381.514	121.955.629.598
Số dư tại ngày 01/01/2021	59.923.480.000	313.744.700	14.054.939.829	(652.100.000)	15.048.183.555	33.267.381.514	121.955.629.598
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	2.256.995.401	10.135.316.311	12.392.311.712
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	10.135.316.311	10.135.316.311
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	-	2.256.995.401	-	2.256.995.401
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	15.046.636.008	15.046.636.008
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	-	-	-	2.256.995.401	2.256.995.401
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Thường HĐQT, BKS (i)	-	-	-	-	-	878.848.607	878.848.607
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	-	8.910.792.000	8.910.792.000
Số dư tại ngày 30/6/2021	59.923.480.000	313.744.700	14.054.939.829	(652.100.000)	17.305.178.956	28.356.061.817	119.301.305.302

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

(i) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2021 như sau:

	Số tiền (VND)
• Trích quỹ đầu tư phát triển (15% lợi nhuận sau thuế) :	2.256.995.401
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi :	3.000.000.000
• Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát :	878.848.607
• Chia cổ tức (15%/Vốn điều lệ) :	8.910.792.000

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Đối tượng	Tại ngày 30/6/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phần tính	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phần tính
			theo mệnh giá			theo mệnh giá
			(VND)			(VND)
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP	51,00%	3.056.097	30.560.970.000	51,00%	3.056.097	30.560.970.000
Vốn cổ đông khác	49,00%	2.936.251	29.362.510.000	49,00%	2.936.251	29.362.510.000
Tổng	100%	5.992.348	59.923.480.000	100%	5.992.348	59.923.480.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
	6 tháng kết thúc	6 tháng kết thúc
	ngày 30/6/2021	ngày 30/6/2020
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01/01/2021	59.923.480.000	59.923.480.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30/6/2021	59.923.480.000	59.923.480.000
Cổ tức đã chia	8.910.792.000	8.910.792.000
Trích các quỹ	5.256.995.401	5.260.239.722

d. Cổ tức

	VND/Cổ phiếu
Cổ tức công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ:	1.500
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	1.500

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANHĐường số 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**e. Cổ phiếu**

	30/6/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.992.348	5.992.348
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.992.348	5.992.348
Cổ phiếu phổ thông	5.992.348	5.992.348
Số lượng cổ phiếu được mua lại	51.820	51.820
Cổ phiếu phổ thông	51.820	51.820
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.940.528	5.940.528
Cổ phiếu phổ thông	5.940.528	5.940.528
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000
Đơn giá tồn của cổ phiếu quỹ (VND/CP)	12.584	12.584

f. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	17.305.178.956	15.048.183.555
Tổng	17.305.178.956	15.048.183.555

5.18 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	30/6/2021	01/01/2021
USD	201.908,01	5.643,82
EUR	101,72	101,72
Nợ khó đòi đã xử lý	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH XD TM Hoàng Đức	116.779.006	116.779.006
XN XD & SX VLXD	67.535.361	67.535.361
Cửa hàng 60B Trương Định	51.087.068	51.087.068
Công ty XD số 8	32.721.678	32.721.678
Cửa hàng Thiên Vũ	223.186.511	223.186.511
Công ty TNHH MTV Rocky	863.656.038	863.656.038
Nguyễn Đoàn	109.001.018	109.001.018
DNTN Tuấn Hạnh	407.010.310	407.010.310
Cửa hàng Thịnh Phát	128.343.724	128.343.724
DNTN Chí Thành	486.352.394	486.352.394
Các đối tượng khác	486.352.394	486.352.394
Tổng	2.485.673.108	2.485.673.108

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	136.718.089.011	153.096.927.485
Doanh thu khác	210.471.610	321.969.261
Tổng	136.928.560.621	153.418.896.746
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)	102.280.495.701	117.753.790.203

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chiết khấu thương mại	1.241.559.823	809.538.518
Hàng bán bị trả lại	34.861.390	10.664.523
Tổng	1.276.421.213	820.203.041

6.3 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Giá vốn hàng hóa và thành phẩm đã bán	113.158.937.691	127.396.765.780
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	929.973.022	2.557.613.760
Xử lý kiểm kê	-	(76.445.045)
Tổng	114.088.910.713	129.877.934.495

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền gửi	80.657.676	46.586.958
Cổ tức, lợi nhuận được chia	102.720.000	164.361.600
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	67.860.052	23.825.373
Tổng	251.237.728	234.773.931

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.5 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền vay	38.506.824	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	84.336.663	33.903.449
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(3.224.171.934)	773.173.824
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	9.650.596	* 64.845.112
Tổng	(3.091.677.851)	871.922.385

6.6 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên	2.246.957.440	2.353.607.029
Chi phí vật liệu, bao bì	421.111.630	314.568.690
Chi phí khấu hao TSCĐ	56.755.452	56.755.452
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.949.503.217	1.263.327.410
Các khoản chi phí khác	747.133.370	256.856.432
Tổng	5.421.461.109	4.245.115.013

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.516.147.937	4.771.804.692
Chi phí vật liệu quản lý	332.983.269	119.729.312
Chi phí đồ dùng văn phòng	98.963.983	168.065.740
Chi phí khấu hao TSCĐ	200.443.860	200.443.860
Thuế phí và lệ phí	246.474.863	642.318.282
Chi phí dự phòng	34.765.998	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.090.000	4.400.000
Chi phí bằng tiền khác	1.400.784.395	1.075.632.778
Tổng	6.838.654.305	6.982.394.664

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.8 Lợi nhuận khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thu nhập thanh lý TSCD	-	719.181.818
Tổng	-	719.181.818
<i>Chi phí khác</i>		
Các khoản phạt	120.657	-
Tổng	120.657	-
Lợi nhuận khác	(120.657)	719.181.818

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	83.293.222.595	92.638.680.926
Chi phí nhân công	23.144.453.339	24.520.905.667
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.900.913.416	3.040.625.056
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.750.786.183	17.843.432.426
Chi phí khác bằng tiền	3.597.535.694	3.372.554.146
Chi phí dự phòng	34.765.998	-
Tổng	130.721.677.225	141.416.198.221

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.645.908.203	11.575.282.897
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>9.771.253</i>	<i>117.096.640</i>
Chi phí không được trừ	120.657	84.680.000
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.650.596	32.416.640
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>102.720.000</i>	<i>164.361.600</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	102.720.000	164.361.600
Thu nhập chịu thuế	12.552.959.456	11.528.017.937
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	2.510.591.892	2.305.603.587
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.510.591.892	2.305.603.587

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.135.316.311	9.269.679.310
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(1.939.424.304)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.135.316.311	7.330.255.007
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	5.940.528	5.940.528
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.706	1.234

Tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 có thể được phân bổ cho Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành. Nếu loại trừ số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi Quỹ thưởng ban điều hành cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021, lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sẽ giảm và lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng giảm tương ứng.

Trình bày lại Chi tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020:

Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 trên lợi nhuận sau thuế năm 2020 đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2021 của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh. Theo đó, “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 được trình bày lại như sau:

	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.269.679.310	9.269.679.310	-
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (i)	(1.656.000.000)	(1.939.424.304)	(283.424.304)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.613.679.310	7.330.255.007	(283.424.304)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	5.940.528	5.940.528	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.282	1.234	(48)

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2021 của Công ty cổ phần Gạch men Thanh Thanh. Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020 với số tiền 3.000.000.000 VND và quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành với số tiền là 878.848.607 VND. Giá trị được giảm trừ vào lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/6/2020 là 1.939.424.304 VND (3.878.848.607 VND/2). Việc xác định lại nêu trên làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/6/2020 giảm từ 1.282 VND/cổ phiếu xuống 1.234 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Từ ngày 09/7/2021, tình hình dịch bệnh COVID-19 tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam diễn biến phức tạp, khó lường và có những sự không chắc chắn. Trên thế giới, dịch bệnh vẫn đang có những diễn biến xấu và chưa được kiểm soát. Sự không chắc chắn này đặt ra các câu hỏi về sự suy giảm giá trị của một số tài sản nhất định và gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty. Do tình hình diễn biến phức tạp nên sự ảnh hưởng của dịch bệnh vẫn chưa được đánh giá đầy đủ. Tuy nhiên, rất có thể đại dịch COVID-19 sẽ ảnh hưởng đáng kể tới doanh thu và kết quả hoạt động trong giai đoạn tiếp theo của Công ty, mức độ cụ thể phụ thuộc vào thời gian kéo dài của dịch bệnh và tình hình kiểm soát của Chính phủ.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2021.

7.2 Thông tin về các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan gồm:****Bên liên quan**

Ông Cao Trường Thụ
 Ông Hồ Đình Thuận
 Ông Nguyễn Xuân Thắng
 Bà Võ Thị Thu Thủy
 Ông Trần Hưng Lương
 Ông Phạm Việt Thắng
 Ông Võ Văn Tùng
 Ông Đào Quang Sơn
 Ông Lê Nguyễn Quốc Trung
 Ông Nguyễn Thừa Vũ
 Ông Trần Hưng Lương
 Ông Lê Xuân Thái
 Bà Võ Thị Thu Thủy
 Ông Đặng Đình Thống
 Tổng công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP
 Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Sản Phẩm FICO
 Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định
 Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á
 Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1
 Công ty Cổ phần Phước Hòa FICO

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT
 Nguyên Chủ tịch HĐQT
 Nguyên Chủ tịch HĐQT
 Thành viên HĐQT
 Thành viên HĐQT
 Thành viên HĐQT
 Nguyên Thành viên HĐQT
 Trưởng Ban Kiểm soát
 Thành viên Ban Kiểm soát
 Thành viên Ban Kiểm soát
 Tổng Giám đốc
 Phó Tổng Giám đốc
 Kế toán trưởng
 Thư ký HĐQT
 Công ty mẹ
 Công ty cùng hệ thống
 Công ty cùng hệ thống
 Công ty cùng hệ thống
 Công ty liên kết
 Công ty cùng hệ thống

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc**Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và Tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 (Trình bày lại) VND
Ông Cao Trường Thụ	Chủ tịch HĐQT	29.500.000	1.020.000
Ông Hồ Đình Thuần	Nguyên Chủ tịch HĐQT	28.300.000	28.300.000
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Nguyên Chủ tịch HĐQT	59.980.000	18.680.000
Bà Võ Thị Thu Thủy	Thành viên HĐQT	45.000.000	18.000.000
Ông Trần Hưng Lương	Thành viên HĐQT	45.000.000	18.000.000
Ông Phạm Việt Thắng	Thành viên HĐQT	1.020.000	-
Ông Võ Văn Tùng	Nguyên thành viên HĐQT	-	18.000.000
Tổng		208.800.000	102.000.000

Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát

Họ và Tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 (Trình bày lại) VND
Ông Đào Quang Sơn	Trưởng ban Kiểm soát	28.020.000	1.020.000
Ông Lê Nguyễn Quốc Trung	Thành viên Ban Kiểm soát	35.660.000	17.660.000
Ông Nguyễn Thừa Vũ	Thành viên Ban Kiểm soát	30.000.000	12.000.000
Tổng		93.680.000	30.680.000

Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và Tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 (Trình bày lại) VND
Ông Trần Hưng Lương	Tổng Giám đốc	260.118.000	227.938.000
Ông Lê Xuân Thái	Phó Tổng Giám đốc	190.435.000	143.100.000
Bà Võ Thị Thu Thủy	Kế toán trưởng	136.419.000	132.417.950
Ông Đặng Đình Thống	Thư ký HĐQT	143.989.000	124.839.000
Tổng		730.961.000	628.294.950

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
Giao dịch mua			9.692.448.609	41.212.828.442
Tổng công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Công ty mẹ	Mua vật tư	126.988.184	29.800.602.472
Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Sản Phẩm FICO	Công ty cùng hệ thống	Mua vật tư	422.057.300	5.115.945.947
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định	Công ty cùng hệ thống	Mua vật tư	183.250.000	395.700.000
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Công ty cùng hệ thống	Mua hàng hóa	895.886.146	5.900.580.023
Công ty Cổ phần Bao bì và khoáng sản số 1	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	6.748.119.980	-
Công ty Cổ phần Phước Hòa FICO	Công ty cùng hệ thống	Mua hàng hóa	1.316.146.999	-
Giao dịch bán			102.280.495.701	117.753.790.203
Tổng công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	102.280.495.701	163.029.915
Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Sản Phẩm FICO	Công ty cùng hệ thống	Bán hàng hóa	-	117.590.760.288
Giao dịch khác			1.312.877.981	1.008.787.729
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định	Công ty cùng hệ thống	Chi phí sửa chữa khuôn	115.650.000	254.372.500
Công ty Cổ phần Bao bì và khoáng sản số 1	Công ty liên kết	Nhận cổ tức	102.720.000	164.361.600
Tổng công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Công ty mẹ	Bồi thường Giảm giá hàng bán	33.529.470 1.060.978.511	-
Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Sản Phẩm FICO	Công ty cùng hệ thống	Giảm trừ doanh thu	-	590.053.629

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất số dư công nợ	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			16.079.482.257	50.000.353.585
Tổng công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Công ty mẹ	Phải thu tiền bán hàng	16.079.482.257	37.240.683.055
Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Sản Phẩm FICO	Công ty cùng hệ thống	Phải thu tiền bán hàng	-	12.759.670.530
Phải trả người bán ngắn hạn			2.188.313.306	10.082.253.975
Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Sản Phẩm FICO	Công ty cùng hệ thống	Phải trả tiền mua hàng	-	8.161.035.819
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Công ty cùng hệ thống	Phải trả tiền mua hàng	161.801.548	754.212.404
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định	Công ty cùng hệ thống	Phải trả tiền mua hàng	48.400.000	144.705.000
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1	Công ty liên kết	Phải trả tiền mua hàng	1.252.355.544	1.022.300.752
Công ty Cổ phần Phước Hòa FICO	Công ty cùng hệ thống	Phải trả tiền mua hàng	586.069.212	-
Tổng công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Công ty mẹ	Phải trả tiền mua hàng	139.687.002	-
Phải trả khác ngắn hạn			-	25.520.000.000
Tổng công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Công ty mẹ	Đặt cọc về sản xuất độc quyền sản phẩm	-	12.760.000.000
Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Sản Phẩm FICO	Công ty cùng hệ thống	Đặt cọc về sản xuất độc quyền sản phẩm	-	12.760.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT kiểm toán.

Thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT soát xét.

Đồng Nai, ngày 24 tháng 9 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Khiêm

Võ Thị Thu Thủy

Trần Hưng Lương